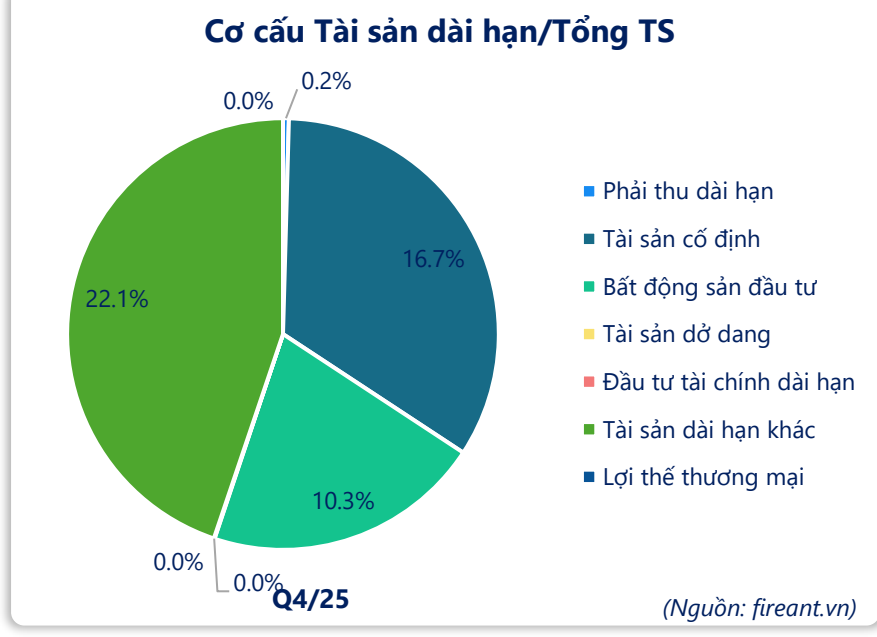
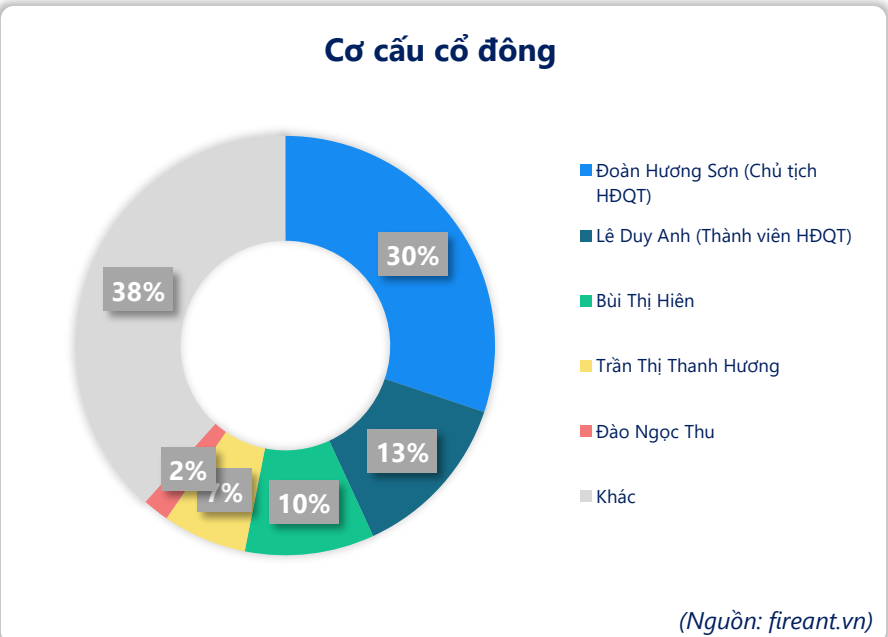
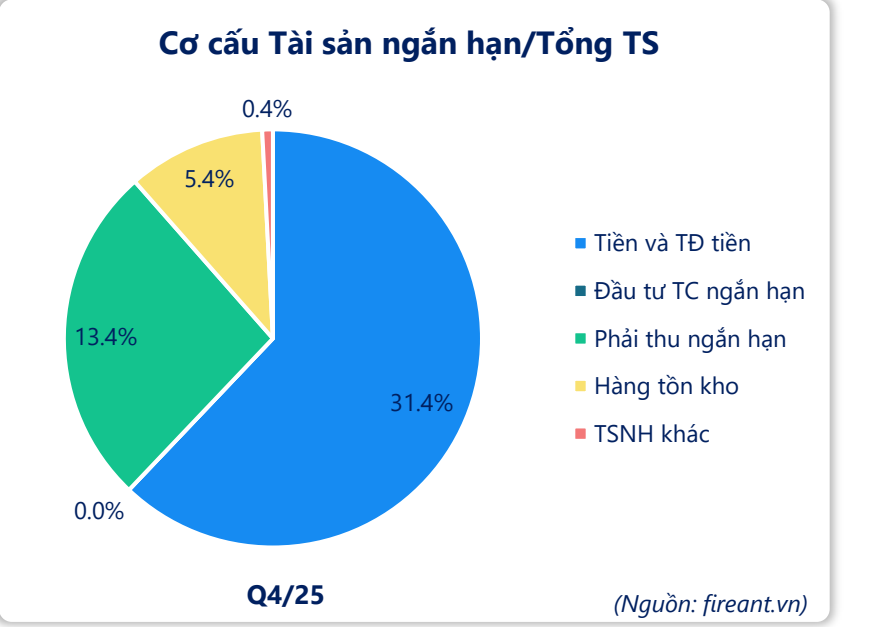
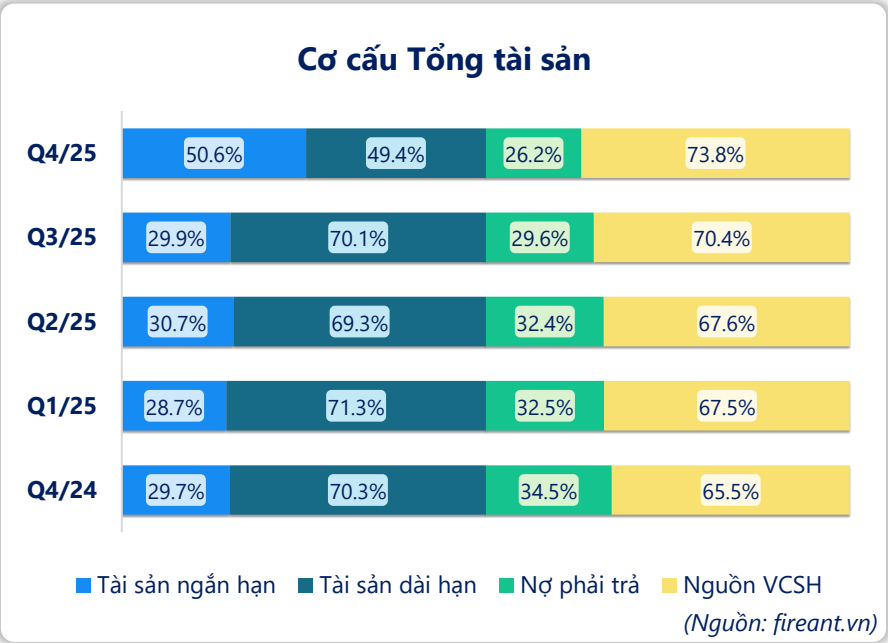
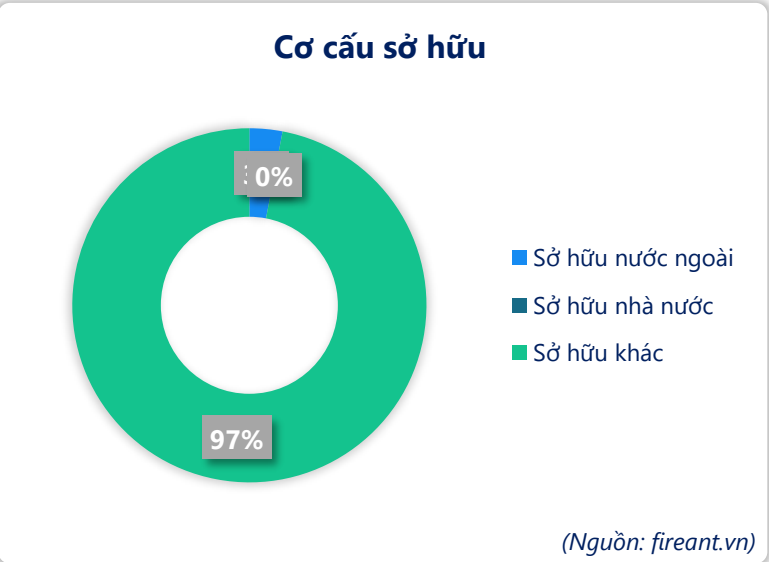
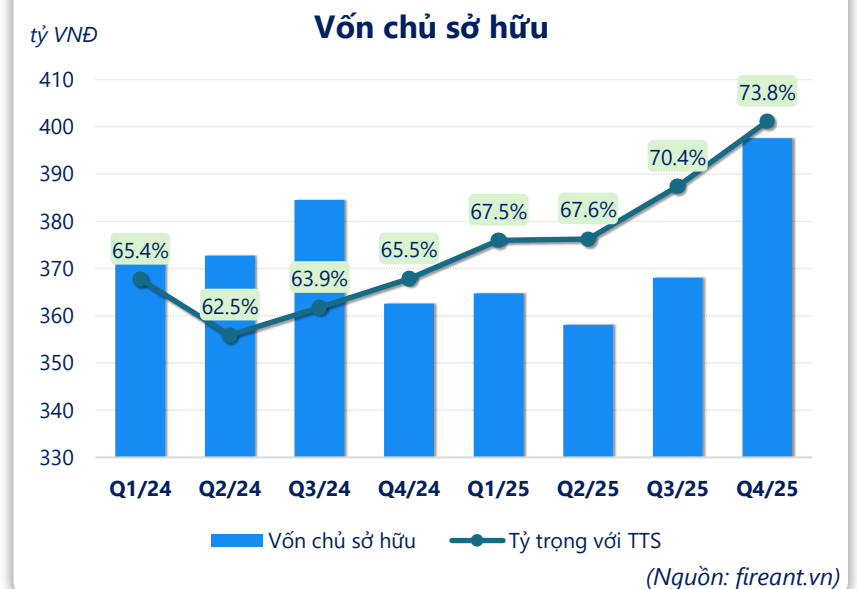
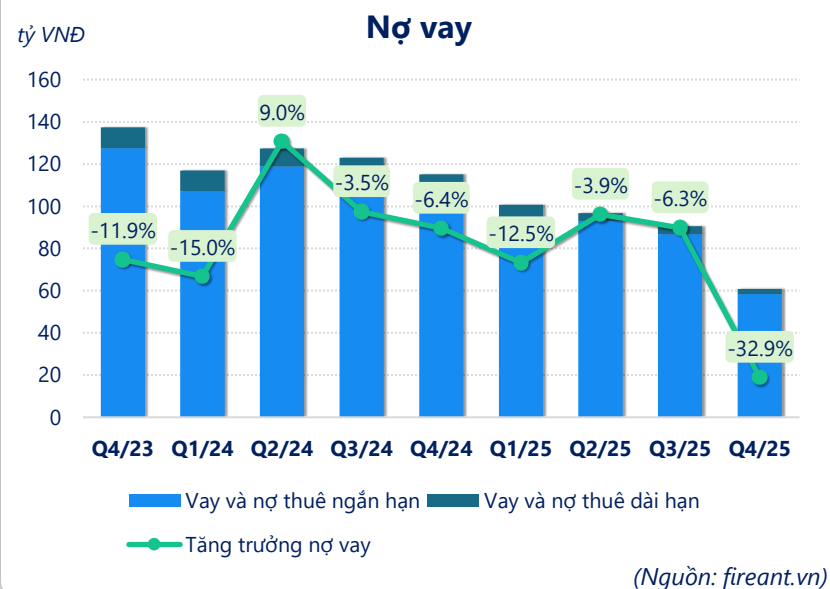
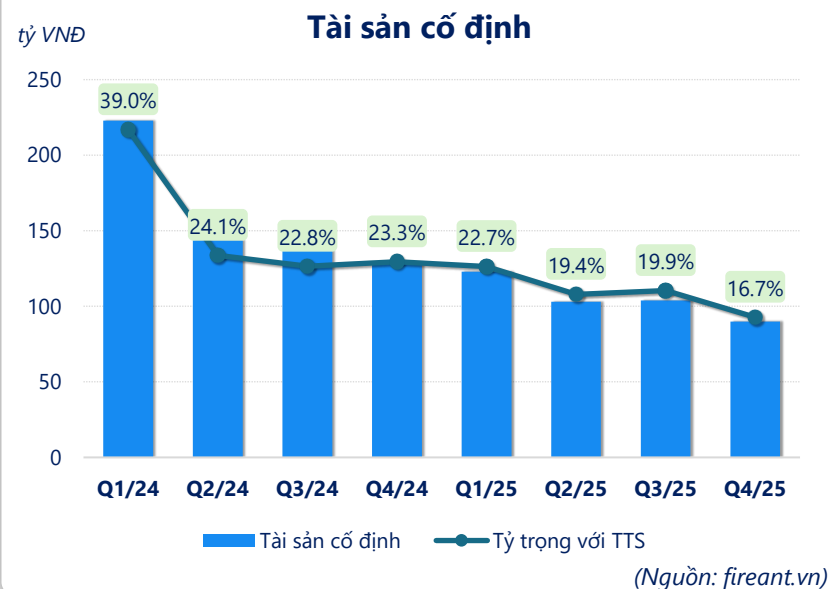
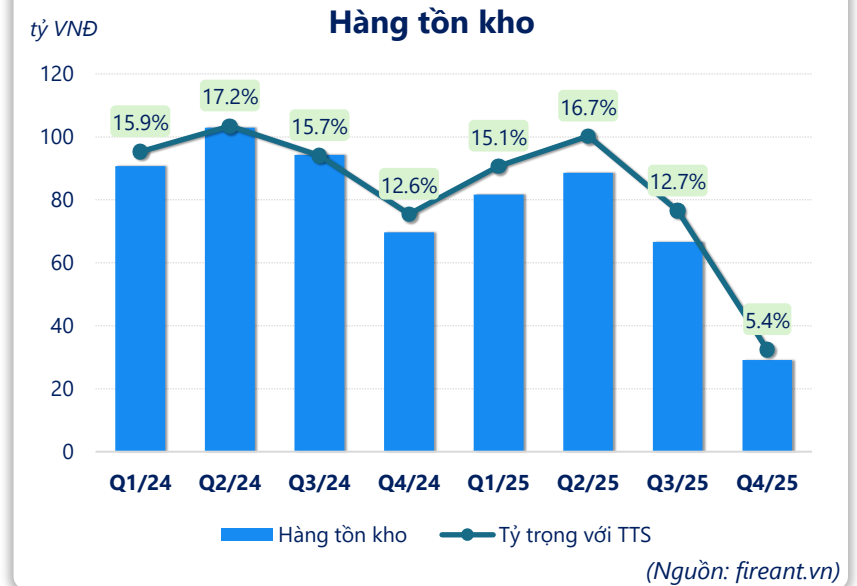
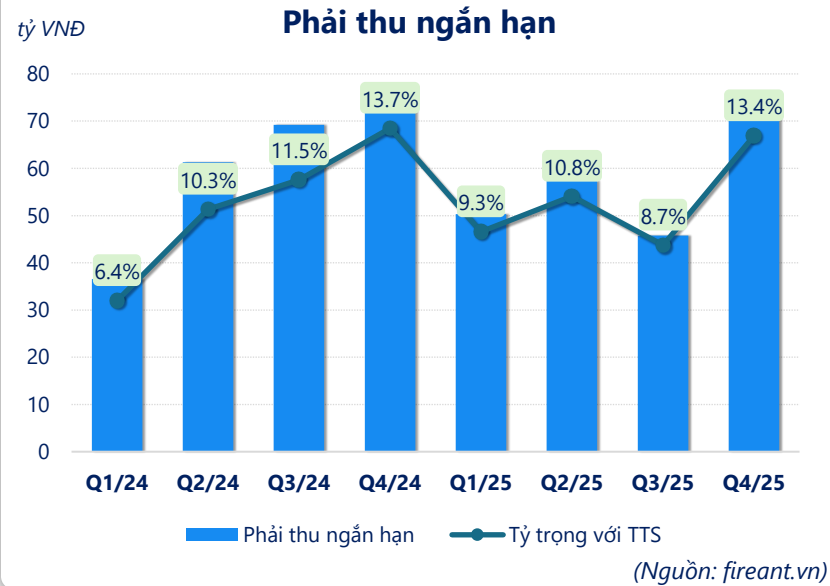
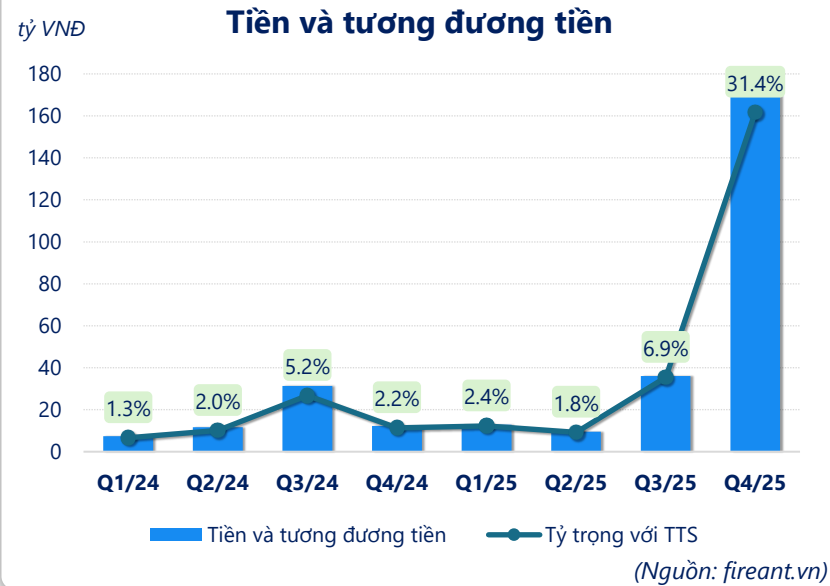
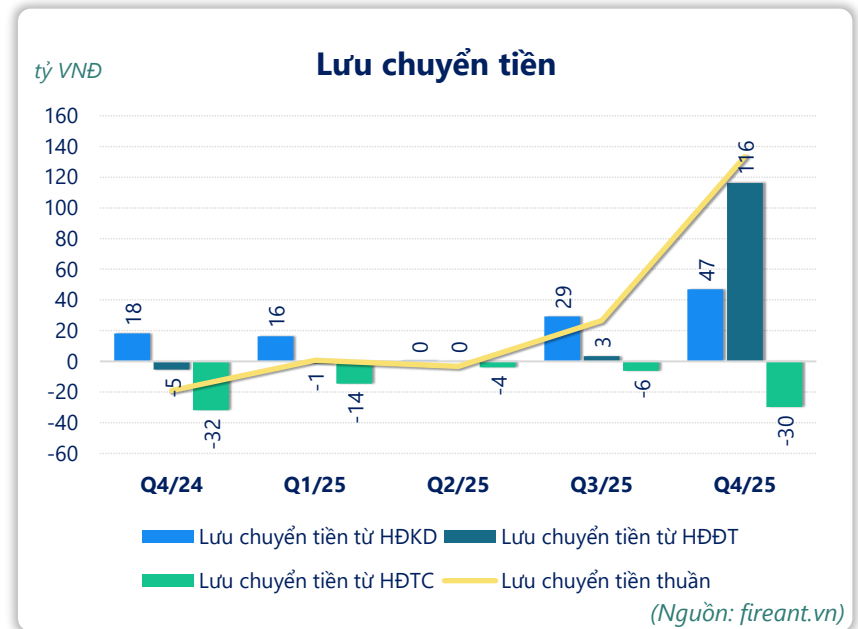
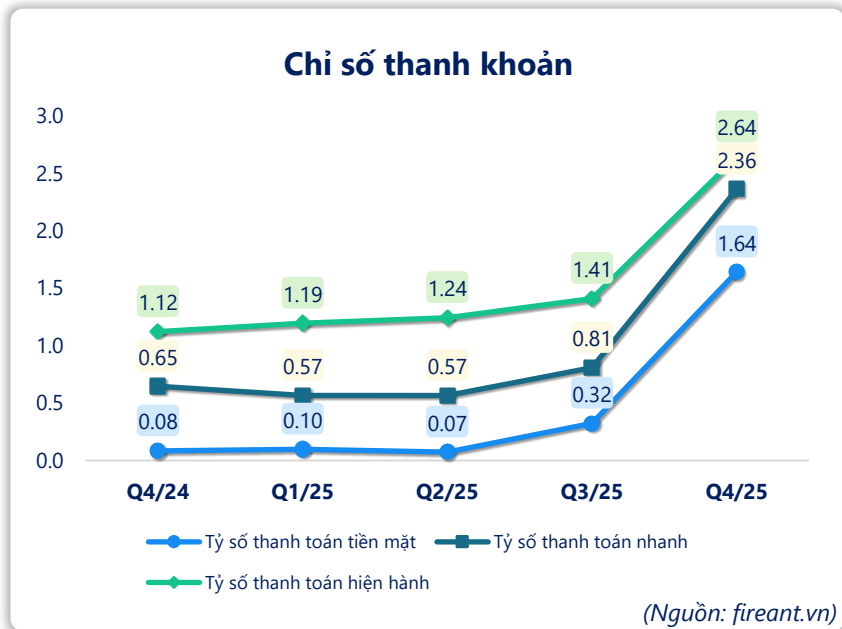
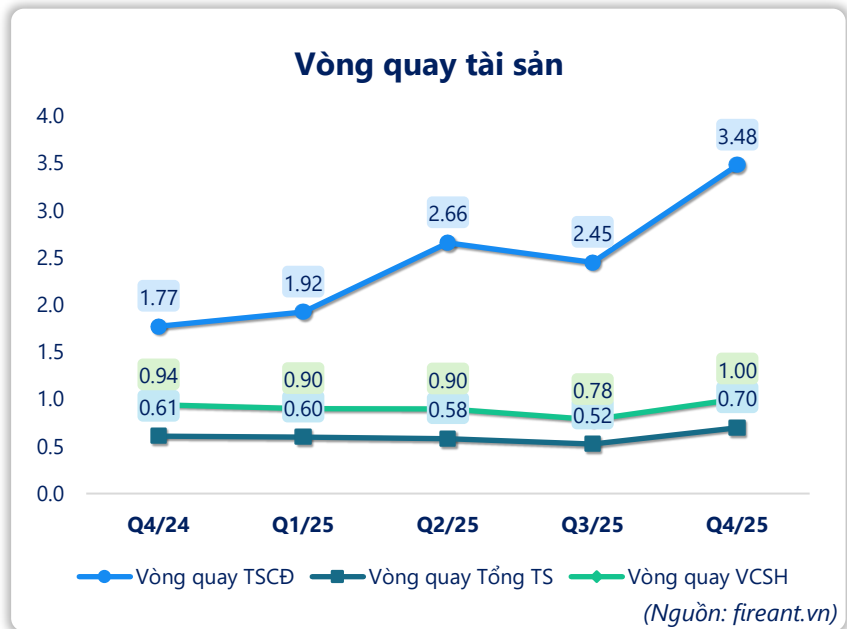
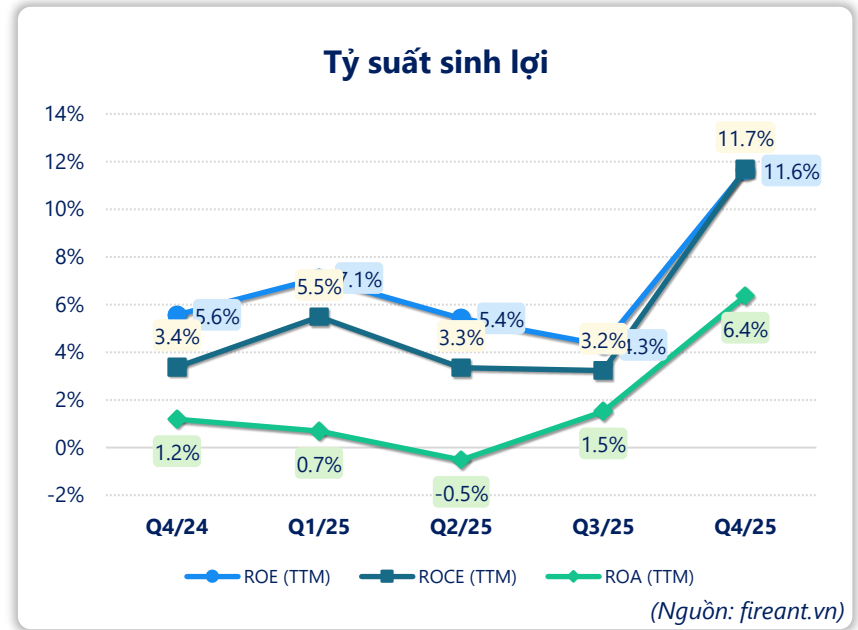
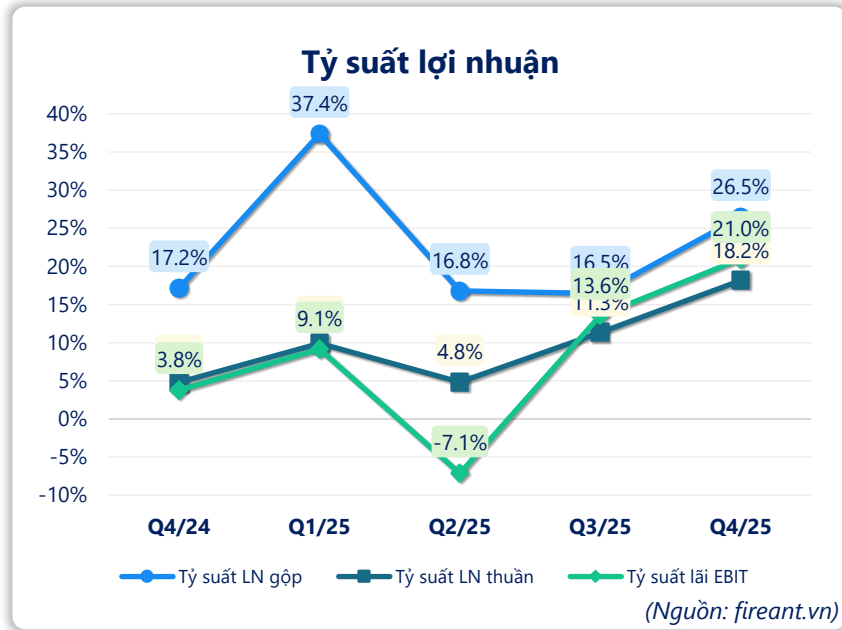
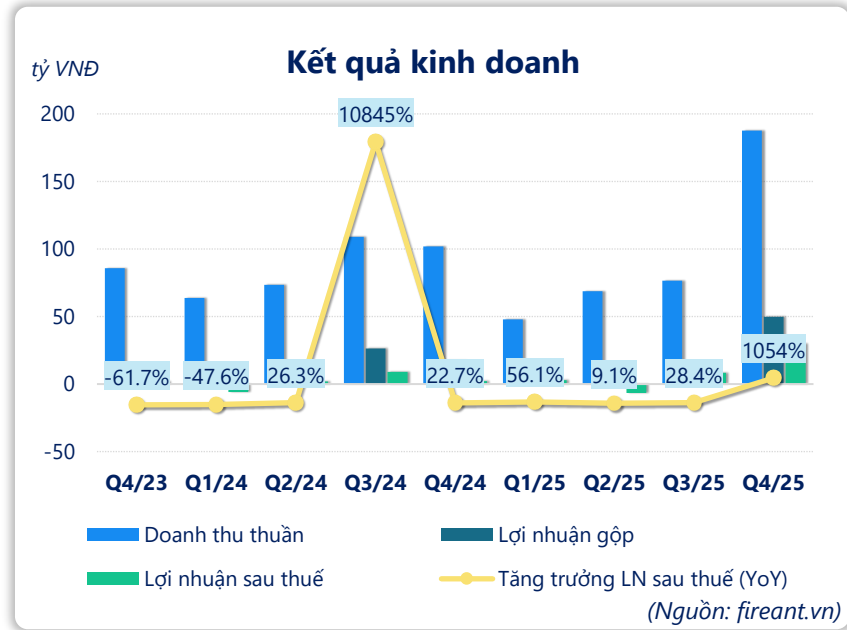


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		10,950
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		11,350
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		9,900
SL cổ phiếu LH		24,003,698
KLGD BQ 20 phiên (CP)		5,095
% sở hữu nước ngoài		3.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		263
P/E		5.9
EPS		1,841

	YTD	1T	3T	6T
NHT	1.4%	9.5%	5.8%	4.3%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	539	555	-3.0%
Tài sản ngắn hạn	273	160	70.2%
Tiền và tương đương tiền	169	12.3	1278%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	72.1	76.8	-6.1%
Hàng tồn kho	29.1	64.4	-54.8%
Tài sản ngắn hạn khác	2.24	6.90	-67.5%
Tài sản dài hạn	266	395	-32.7%
Phải thu dài hạn	1.17	0	
Tài sản cố định	89.9	129	-30.4%
Bất động sản đầu tư	55.5	126	-56.1%
Tài sản dở dang	0.14	1.76	-91.8%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	119	137	-13.3%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	141	193	-27.0%
Nợ ngắn hạn	103	149	-30.6%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	58.4	107	-45.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	8.37	19.4	-56.9%
Nợ dài hạn	38.0	44.7	-15.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	2.40	7.66	-68.7%
Nguồn vốn chủ sở hữu	398	362	9.9%
Vốn chủ sở hữu	398	362	9.9%
Vốn điều lệ	240	240	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	102	47.8	68.6	76.4	188
Giá vốn hàng bán	84.4	29.9	57.1	63.9	138
Lợi nhuận gộp	17.5	17.9	11.5	12.6	49.7
Doanh thu HĐTC	1.51	3.55	-1.32	1.01	1.35
Chi phí TC	2.45	5.40	0.05	1.55	1.39
Chi phí lãi vay	1.87	1.59	1.44	1.25	1.00
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	2.18	2.78	1.37	1.80	3.82
Chi phí QLDN	9.46	8.49	5.47	1.59	11.8
LN thuần từ HĐKD	4.90	4.73	3.33	8.65	34.1
Lợi nhuận khác	-2.91	-1.95	-9.66	0.45	4.31
LN trước thuế	1.99	2.78	-6.33	9.11	38.4
Lợi nhuận sau thuế	2.08	2.96	-6.65	8.25	29.5
LNST của CĐ cty mẹ	6.80	3.84	-2.93	8.50	34.8

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	18.2	16.4	0.40	29.2	47.0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-5.36	-1.33	0.23	3.36	116
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-31.9	-14.4	-3.95	-6.12	-29.8
Tiền đầu kỳ	31.3	12.3	12.9	9.56	36.0
Lưu chuyển tiền thuần	-19.0	0.59	-3.32	26.4	133
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0.00	0.00	0
Tiền cuối kỳ	12.3	12.9	9.56	36.0	169

(Nguồn: fireant.vn)